

THAM KHẢO

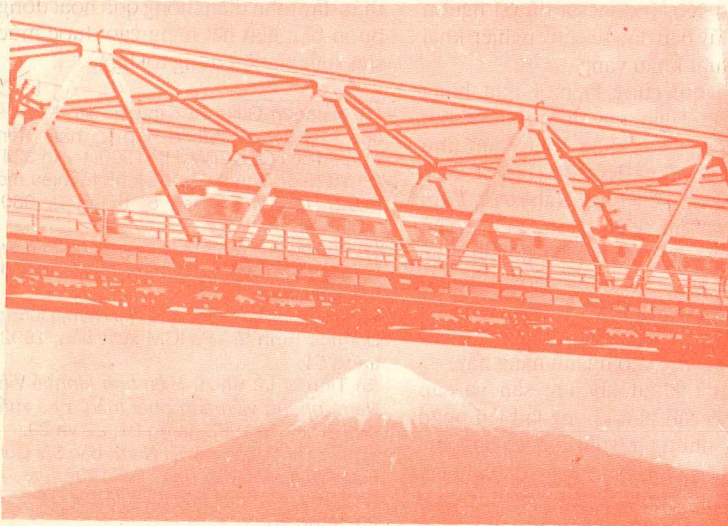
Kinh tế Nhật Bản sau chiến tranh thế giới lần thứ II là kinh tế thị trường nhưng so với các nước Tây Âu và Mỹ thì mức độ can thiệp của chính phủ mạnh hơn, mặt kinh tế có kế hoạch nhiều hơn. Màu sắc kinh tế có kế hoạch đậm nhất vào các thập kỷ 40, 50, 60 sau đó giảm đi. Bước vào thập kỷ 80, nhiều ý kiến đòi nâng cao tính tự chủ của khu vực kinh tế tư nhân, giảm bớt sự can thiệp của chính phủ. Chính phủ Nhật đã cố gắng phấn đấu theo phương hướng đó. Nhưng, đặc điểm nổi bật của nền kinh tế Nhật Bản hiện nay là sự kết hợp giữa thị trường và kế hoạch.

Nền kinh tế hỗn hợp đang kết hợp giữa kế hoạch của chính phủ và thị trường khu vực tư nhân như vậy tuy có nhược điểm nhưng nếu nhìn vào hiệu quả của nền kinh tế thì có thể khẳng định được rằng kinh tế hỗn hợp đó của Nhật Bản khá thành công. Cách can thiệp của chính phủ Nhật như thế nào? Vì sao lại có sự can thiệp như vậy? Lý do thành công ở đâu? Có mặt nào được, mặt nào không được? Chúng tôi xin phân tích một số điểm dưới đây.

1. KẾ HOẠCH VÀ THỊ TRƯỜNG TRONG NỀN KINH TẾ NHẬT BẢN

Trong tình hình đất nước bị tàn phá bởi chiến tranh, vật tư thiếu thốn nghiêm trọng, bất cứ chính phủ nước nào cũng phải tiến hành biện pháp kiểm soát nguồn cung cấp vật tư và kiểm soát giá cả.

Ở Nhật Bản trong khoảng thời gian từ năm 1945 đến năm 1950, chính phủ kiểm soát mạnh mẽ đối với các lĩnh vực vật tư, giá cả, nguồn vốn, tỷ giá hối đoái. Nhưng có thể coi đó là những biện pháp mang tính chất quá độ sau chiến tranh.



Mục tiêu của chính phủ là thực hiện nhanh kinh tế thị trường. Bởi vì lúc đó, Nhật Bản đặt dưới sự chiếm đóng của Mỹ, buộc phải thực hiện kinh tế thị trường mang màu sắc Mỹ. Nhưng, Nhật Bản đã tích lũy được khá nhiều kinh nghiệm kinh tế thị trường trong thời kỳ trước chiến tranh, nên phần lớn nhân dân Nhật Bản muốn quay trở về với kinh tế thị trường mang màu sắc Nhật Bản.

Năm 1947, tức là sau chiến tranh, Đảng xã hội Nhật Bản lên cầm quyền, thành lập nội các, tiến hành chế độ quản lý nhà nước đối với các mỏ than, nhưng đến năm 1950 thì chế độ quản lý nhà nước này bị bãi bỏ. Tư duy căn bản trong chính sách kinh tế của Nhật Bản sau chiến tranh là cơ chế kinh tế thị trường.

Chính sách kinh tế của Nhật Bản sau chiến tranh có hai vấn đề lớn là dân chủ hóa kinh tế và phục hồi kinh tế thị trường.

Trong thời gian từ năm 1945 đến năm 1947, Nhật Bản đã cùng cố cơ sở để dân chủ hóa kinh tế bằng cách thực hiện giải phóng ruộng đất trong nông nghiệp (cải cách ruộng đất - ND), thành lập các tổ chức công đoàn, giải tán các tập đoàn tài phiệt.

Nhật Bản đã chuyển sang nền kinh tế thị trường bằng cách thực hiện hai chính sách lớn là: đẩy mạnh sản xuất và phục hồi chức năng của thị trường.

Đẩy mạnh sản xuất bằng cách tập trung mọi nỗ lực trong nước vào việc tăng cường sản xuất có trọng điểm các ngành than, gang thép, nhưng cũng không ít cơ sở đã được Mỹ viện trợ. Nếu không khôi phục được trình độ sản xuất để duy trì mức sống của nhân dân thì không thể khôi phục được nền kinh tế thị trường. Khoảng năm 1950, Nhật Bản đã khôi phục được mức sản xuất trước chiến tranh.

Để khôi phục chức năng thị trường, trước tiên, năm 1946 Nhật Bản đã thi hành cải cách tiền tệ, nhằm hạn chế tiền tệ phát hành quá thừa. Nhật Bản thực hiện bằng cách cắt các khoản bồi thường trong chiến tranh, đặt ra các khoản thuế đặc biệt đánh vào tiền bồi thường và đánh thuế tài sản... Chính phủ Nhật Bản còn nhiều lần tiến hành cải cách giá cả, bãi bỏ các khoản tiền trợ cấp. Năm 1949, chính phủ Nhật Bản đã thực hiện chế độ tỷ giá hối đoái một giá. Sau khi có bước chuẩn bị như vậy, từng bước Nhật Bản đã bãi bỏ chế độ kiểm soát vật tư và kiểm soát giá cả, phục hồi kinh tế thị trường. Trong khoảng thời gian năm 1950-1957, chính phủ Nhật Bản đã dần dần bãi bỏ chế độ kiểm soát vật tư và giá cả.

Ngày nay, ngay ở các nước theo thể chế kinh tế thị trường không có nước nào mà chính

KẾ HOẠCH VÀ THỊ TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ KINH NGHIỆM NHẬT BẢN

HISAO KANAMORI (*)

phủ lại không đóng vai trò to lớn trong các lĩnh vực cung cấp tư bản xã hội, bảo hiểm xã hội, điều chỉnh nhịp độ phát triển kinh tế và điều chỉnh quan hệ kinh tế đối ngoại. Không thể tồn tại nền kinh tế thị trường thuần túy, nền kinh tế của các nước đều là kinh tế hỗn hợp.

Như đã nói ở phần trên, ngay cả ở Nhật Bản, trong vòng từ năm, bảy năm sau chiến tranh chính phủ đã buộc phải bãi bỏ các chính sách cung cấp vật tư, kiểm soát giá cả, kiểm soát tiền vốn, những chính sách mà chính phủ thực hiện nhằm thoát ra khỏi sự hỗn loạn của nền kinh tế sau chiến tranh. Nhưng trong các lĩnh vực cung cấp tư bản xã hội, bảo hiểm xã hội và điều chỉnh nhịp độ phát triển kinh tế thì sự can thiệp của chính phủ còn rất lớn. Dù ít dù nhiều người ta đều thấy tình hình này xuất hiện ở bất cứ nước nào.

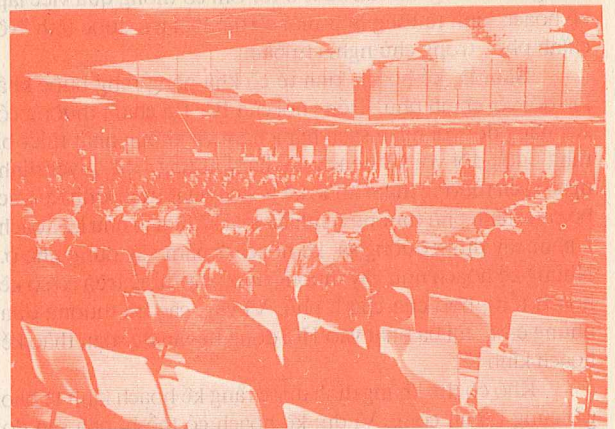
Đặc điểm nổi bật về vai trò của chính phủ Nhật Bản thể hiện qua kế hoạch kinh tế, nâng đỡ ngành công nghiệp, chuyển hướng hoạt động của các ngành bị suy thoái, dự đoán triển vọng phát triển và hỗ trợ các ngành kinh tế mới. Dưới đây tôi xin trình bày vai trò của chính phủ thể hiện qua các mặt đó.

2. KẾ HOẠCH KINH TẾ

Ở Nhật Bản, từ sau chiến tranh thế giới thứ II, chính phủ thường xuyên vạch ra kế hoạch phát triển kinh tế trung hạn và dài hạn, trên cơ sở đó mà thực hiện các chính sách kinh tế. Ngoài Pháp ra, chỉ có Nhật Bản là nước theo thể chế kinh tế thị trường nhưng lại vạch kế hoạch phát triển kinh tế trong suốt nhiều năm qua. Ví dụ: kế hoạch 5 năm 1948-1952 lấy mục tiêu đến năm 1952 khôi phục mức sống trước chiến tranh. Kế hoạch này mang đậm màu sắc kinh tế có kế hoạch, không được thông qua thành kế hoạch chính thức của chính phủ nhưng đã tác động khá lớn đến chính sách kinh tế sau chiến tranh.

Kế hoạch kinh tế chính thức đầu tiên được soạn thảo vào năm 1955. Sau đó các kế hoạch liên tiếp được soạn thảo, đến nay đã đưa ra và thực hiện được 11 kế hoạch. Kế hoạch dài hạn nhất là kế hoạch 10 năm, còn thông thường là 5 năm. Mục tiêu của kế hoạch được điều chỉnh theo giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Kế hoạch 5 năm hiện nay của chính phủ Nhật bắt đầu từ năm 1988, kết thúc năm 1992 với tên gọi "Nhật Bản cùng tồn tại với thế giới". Mức độ ảnh hưởng do kế hoạch kinh tế tác động đến nền kinh tế thực tại sẽ dao động bởi yếu tố vị thủ tướng trong thời gian đó có nhiệt tình đến mức nào trong nỗ lực thực hiện các mục tiêu dài hạn. Kế hoạch đó có ảnh hưởng lớn nhất được soạn thảo năm 1960 dưới thời nội các Ikeda, được gọi là "Kế hoạch tăng gấp đôi thu nhập quốc dân". Kế hoạch đó nêu mục tiêu trong vòng 10 năm tăng gấp đôi thu nhập quốc dân, nhưng trên thực tế thì mục tiêu đó đạt được chỉ mất có 7 năm.

Kế hoạch kinh tế của Nhật Bản mang tính chất Indicative Plan, khác với kế hoạch kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa, kế hoạch của Nhật Bản không mang tính bắt buộc đối với hoạt động kinh tế của các tổ chức kinh tế xí nghiệp tư nhân. Có những chuyên gia kinh tế ở Nhật Bản nói rằng đó chỉ đơn thuần là vật trang trí bởi nó không ảnh hưởng gì đến nền kinh tế trên thực tế. Tôi cho rằng cách đánh giá như vậy cũng không đúng. Vì nó không mang tính chất cưỡng bức nên nó không bóp nghẹt những sáng kiến, sáng tạo của các nhà doanh nghiệp, mà nó đã du nhập được một cách thuận lợi các yếu tố mang tính kế hoạch vào trong nền kinh tế thị trường, đóng góp khá đặc lực cho sự phát triển của nền kinh tế. Vai trò của



kế hoạch trong nền kinh tế Nhật Bản thể hiện ở năm điểm dưới đây.

Một là, kế hoạch đề ra mục tiêu cho chính sách. Người Nhật Bản có đặc tính là khi có mục tiêu rõ ràng, người ta dễ hoạt động tiến nhanh đến mục tiêu. Ví dụ các mục tiêu như tăng gấp đôi thu nhập quốc dân, ngăn chặn ô nhiễm, tự do hóa mậu dịch... đã làm rõ những vấn đề quan trọng nhất của nền kinh tế Nhật Bản trong từng thời kỳ.

Hai là, kế hoạch sẽ làm rõ những vấn đề tồn tại trong bản thân nền kinh tế. Xây dựng kế hoạch không phải thực hiện được đúng ngay mục tiêu, nhưng trong quá trình xây dựng kế hoạch, chúng ta mới phát hiện được những khó khăn, tồn tại cần phải khắc phục. Kế hoạch không chỉ nêu vấn đề một cách thuần túy, rời rạc, mà còn có ưu điểm là vạch rõ được mối quan hệ tương hỗ giữa các vấn đề, số lượng và mức độ vấn đề. Ví dụ trong khi phát triển kinh tế, Nhật Bản dự đoán được các vấn đề giá cả, cân cân thanh toán quốc tế, lực lượng lao động sẽ phát sinh như thế nào, và từ đó có thể vạch các đối sách.

Ba là, kế hoạch nâng cao ý thức tham gia thực hiện chính sách của nhân dân. Nội dung này giữ vai trò quan trọng nhất. Hội đồng tư vấn cho chính phủ được thành lập nhằm soạn thảo kế hoạch phát triển kinh tế. Đây là một cơ quan có quy mô rất lớn gồm các Ban, Ban tổng hợp, các Ban chuyên ngành. Các ủy viên của các ban này bao gồm quan chức chính phủ, học giả, đại diện xí nghiệp, công đoàn, người tiêu dùng, nhà báo. Thông thường, mỗi ban này có trên 100 thành viên. Với số lượng ủy viên lớn như vậy nhưng mỗi năm, các ban này vẫn họp vài lần, thảo luận thông qua các cuộc họp như vậy, chính phủ có thể phản ánh suy nghĩ, nguyện vọng của nhân dân vào kế hoạch.

Cơ quan có trách nhiệm soạn thảo kế hoạch kinh tế là Bộ Kế hoạch kinh tế. Trên thực tế thì sự lãnh đạo của chính phủ rất lớn, cho đến khi kế hoạch được thông qua, những người tham gia soạn thảo luôn luôn coi như đó là kế hoạch của chính mình.

Bốn là, kế hoạch có thể vạch ra phương châm kinh doanh cho các xí nghiệp tư nhân. Cho dù xí nghiệp có một ề-kíp lên kế hoạch tài ba như thế nào chăng nữa mà không đưa ra được phác thảo toàn bộ nền kinh tế thì không thể lên kế hoạch kinh tế. Ví dụ: một công ty sắt thép khi tiến hành đầu tư thiết bị cho bộ phận cán thép, trước hết phải biết mục